

Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2024

V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Bà Phạm Thị Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh L, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: 2.12 tầng 2 lô A1 chung cư C, BT, Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú hiện tại: Số 402 G3 chung cư H, Phường K, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1971; địa chỉ: 2.12 tầng 2 lô A1 chung cư C, BT, Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/8/2023, bản tự khai, các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh L trình bày:

Ông L và bà Lê Thị Mỹ L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21-TPPM, quyển số 01-2000 do UBND xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/5/2000.

Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, do không hợp nhau về nhiều vấn đề từ tiền bạc đến cách nuôi dạy con cái; bà L không quan tâm chăm lo cho gia đình. Ông đã nhiều lần nói chuyện với bà L nhưng bà L không thay đổi. Năm 2017, ông đã nộp đơn ly hôn với bà L tại Tòa án nhân dân Quận 5 nhưng không được Tòa án chấp nhận. Từ đó vợ chồng sống ly thân. Đến năm 2021, do dịch bệnh, không có chỗ ở nên buộc lòng vợ chồng phải

sống chung. Do vợ chồng ông ở nhờ nhà chị ruột của ông nên chị ruột của ông sửa nhà nên yêu cầu vợ chồng ông dọn ra ngoài thuê nhà sống. Lúc đó, ông có yêu cầu bà L chuyển qua căn nhà đang thuê bên Quận 8 hai vợ chồng sống nhưng bà L không đồng ý. Bà L cho rằng căn nhà thuê bên Quận 8 đi lại xa, bất tiện cho bà L nên bà L không đồng ý ở đó và chuyển về Quận 6 nhà chị ruột của ông sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Tháng 3 năm 2023, ông L nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án Quận 6 nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên tình trạng vợ chồng cũng không được cải thiện. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà L có với nhau 01 (một) con chung là Huỳnh Ái T – Sinh ngày: 06/10/2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Những lời trình bày của ông L về vấn đề kết hôn và con chung là đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 bà phát hiện ông L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng xảy ra tranh chấp. Ngoài ra, ông L và chị ruột của ông L thường xuyên bàn bạc mua nhà đất không cho bà tham gia, không chia sẻ với bà nên bà đã nhiều lần tranh chấp với ông L về vấn đề này. Mỗi lần ông L đi tiệc tùng đều không dẫn bà theo. Bà đi đâu cũng muốn đi cùng chồng nhưng để được đi với chồng thì bà phải bỏ một nửa tiền mừng thì ông L mới cho bà đi cùng. Bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nhưng vì thương chồng bà chịu đựng và bỏ qua. Những mâu thuẫn của vợ chồng bà đã kéo dài nhiều năm nay vẫn không giải quyết được.

Năm 2017, ông L có nộp đơn ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Quận 5 nhưng Tòa án nhân dân Quận 5 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L. Sau sự việc đó thì quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L cũng không còn hạnh phúc như trước đây. Năm 2021, ông L nói là chị ruột của ông L sửa nhà nên kêu bà dọn ra ngoài thuê nhà sống nhưng do vợ chồng mâu thuẫn về việc thuê nhà nên bà đã chuyển về sống với chị ruột của ông L tại phường D, Quận 6. Còn ông L vẫn sống ở nhà chị của ông Liêm ở Quận 5 và cũng ít liên hệ với nhau. Bà cũng không còn tình cảm với ông L nhưng nếu ly hôn với ông L thì bà sẽ không được ở nhờ nhà chị ruột của ông L nữa vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông L.

Hện nay bà cũng đang khó khăn về chỗ ở do đó trong trường hợp ông L hỗ trợ cho bà số tiền 300.000.000 đồng để bà thuê nhà và có chỗ ở ổn định thì bà đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông L có với nhau 01 (một) con chung là Huỳnh Ái T – Sinh ngày: 06/10/2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh L hỗ trợ bà Lê Thị Mỹ L số tiền 50.000.000đ; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 21-TTPM quyền số 01-2000, ngày 22/5/2000 do UBND xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp thì ông Huỳnh L và bà Lê Thị Mỹ L có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L đang thực tế cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông L có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..” khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Cả ông Huỳnh L và bà Lê Thị Mỹ L đều nhìn nhận vợ chồng sống không hạnh phúc. Năm 2017, ông L đã làm đơn xin ly hôn bà L nhưng tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông L, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017, mạnh ai nấy sống; đến tháng 3/2023, ông L lại khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện. Cho thấy mối quan hệ giữa ông L và bà L không còn gắn bó, yêu thương nhau, đôi bên đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn chung sống với nhau; phía ông Huỳnh L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Phía bà L cho rằng nếu ly hôn thì bà sẽ không có chỗ ở, nếu ông Huỳnh L đồng ý hỗ trợ bà 300.000.000đ thì bà sẽ đồng ý ly hôn là không phù hợp. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh L.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

Bà Lê Thị Mỹ L mong muốn được ông Huỳnh L hỗ trợ số tiền 300.000.000đ để ổn định cuộc sống sau ly hôn. Tuy nhiên phía ông Huỳnh L chỉ

có khả năng hỗ trợ bà L số tiền 50.000.000đ nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của ông L.

[5] Về án phí: ông Huỳnh L phải nộp án phí DSST theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh L đối với bà Lê Thị Mỹ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21-TPPM, quyển số 01-2000, do UBND xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/5/2000 cho bà ông Huỳnh L và bà Lê Thị Mỹ L không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh L về việc ông Huỳnh L hỗ trợ cho bà Lê Thị Mỹ L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0038359 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh L và bà Lê Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Minh Châu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 2024

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận 6.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Hội thẩm nhân dân:

1/

2/

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 552/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về tranh chấp “Ly hôn”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Liêm, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 402 G3 chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Mỹ Linh, sinh năm 1971; địa chỉ: 2.12 lầu 2 lô A1 chung cư C, Bình Tiên, Phường 4 Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Các thành viên HĐXX thống nhất 3/3 (100%) về những vấn đề sau:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Liêm đối với bà Lê Thị Mỹ Linh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21-TPPM, quyển số 01-2000, do UBND xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/5/2000 cho bà ông Huỳnh Liêm và bà Lê Thị Mỹ Linh không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Liêm về việc ông Huỳnh Liêm hỗ trợ cho bà Lê Thị Mỹ Linh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Liêm phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Liêm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0038359 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Huỳnh Liêm và bà Lê Thị Mỹ Linh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút.....ngày.....tháng.....năm

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA